

## BẢN LĨNH SUY NGHĨ ĐỘC LẬP SÁNG TẠO TRONG QUÁ TRÌNH ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

Võ Văn Sen

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

**TÓM TẮT:** Bài báo tập trung phân tích một trong những bản lĩnh quan trọng nhất trong tính cách của chủ tịch Hồ Chí Minh là khả năng suy nghĩ độc lập và sáng tạo. Bản lĩnh đó của người đặc biệt được bộc lộ ở giai đoạn tìm đường cứu nước đầu thế kỷ XX.

**Từ khóa:** Võ Văn Sen, quá trình đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc.

Một trong những bản lĩnh quan trọng nhất trong tính cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là khả năng suy nghĩ độc lập sáng tạo của Người, không bao giờ rập khuôn máy móc, giáo điều trong bất cứ vấn đề gì. Bản lĩnh đó đã xuất hiện rất sớm, góp phần quyết định thành công của Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc trong quá trình đi tìm đường cứu nước và truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào Việt Nam, thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Bản lĩnh ấy chắc chắn có nguồn gốc sâu xa từ tư chất thông minh khác thường và đồng thời cũng thông qua sự giáo dục của văn hóa Việt Nam: Làng-Nước-Gia đình. Có người nói rằng thiên tài là chín mươi chín phần trăm do mồ hôi, còn chỉ một phần trăm do thiên phú. Dễ dàng đồng ý về điều đó nhưng cần phải nhấn mạnh thêm rằng: Cái một phần trăm bẩm sinh, thiên phú ấy là cái không phải ai cũng có và không phải dễ dàng gì có được chỉ đơn thuần thông qua rèn luyện, giáo dục! Các nghiên cứu, khám phá tới nay về thời thơ ấu, niên thiếu của Bác Hồ đều nhất trí rằng Nguyễn Sinh Cung ngay từ bé đã có tư chất rất thông

minh, linh lợi khác thường, ham học, “*ham hiểu biết, ưa suy nghĩ*”(1). Từ cuốn “Tất Đạt tự ngôn” mà cụ Nguyễn Sinh Khiêm, anh của Bác Hồ, trao cho Sơn Tùng năm 1950 mấy tháng trước khi cụ mất, chúng ta đã biết đến bài thơ “Công” của Nguyễn Sinh Cung lúc 5 tuổi, tuổi đang bập bẹ làm thơ, khi đang cùng gia đình đi qua Đèo Ngang về kinh đô Huế: (2)

“ Núi công con đường mòn  
Cha thì công theo con  
Núi nằm lì một chỗ  
Cha đi cúi lom khom  
Đường bám lì lưng núi  
Con tập chạy lon ton  
Cha siêng hơn hòn núi,  
Con đường lười hơn con  
...  
Biển là ao lớn,  
Thuyền là con bò  
Thuyền ăn gió no  
Lợi trên mặt nước  
Em nhìn thấy trước  
Anh trông thấy sau  
Ta lớn mau mau

Vượt qua ao lớn »

Theo Vũ Đình Hoè, sau khi truy vấn nhà văn Sơn Tùng về nguồn gốc bài thơ này, đồng chí Phạm Văn Đồng, người thông hiểu dịch lý, đã hết sức thích thú đưa ra nhận xét: *“Cái gì thuộc về thiên nhiên tạo đều “tĩnh”, cái gì thuộc con người là “động”. Núi công con đường. Cha thì công con”, “Đường nằm li lưng núi” là tĩnh, con chạy lon ton thì động. Thơ có thể là hay vì nó có cái thần, cái ngộ nghĩnh của đứa trẻ. Điều đó cũng dễ hiểu, nhưng còn vấn đề tư tưởng, tầm nhìn này hơi lạ...”*(3) Câu chuyện bé Sinh Cung và bác thợ rèn đầu làng cũng phần nào cho thấy thêm tư chất thông minh khác thường của Nguyễn Sinh Cung.(4)

Sinh ra từ làng quê Nghệ - Tĩnh, một vùng địa linh nhân kiệt và giàu truyền thống yêu nước, Nguyễn Sinh Cung – Nguyễn Tất Thành đã sớm tiếp thu được tinh thần yêu nước và các tấm gương hy sinh vì nước ở quê hương.

Bên cạnh quê hương làng - nước thì giáo dục gia đình, trong đó có vai trò hết sức to lớn của người cha, đã hình thành nên tính cách, tâm hồn và bản lĩnh của Nguyễn Tất Thành, bao hàm cả bản lĩnh luôn luôn suy nghĩ độc lập sáng tạo.

Cụ Nguyễn Sinh sắc là một nhà Nho yêu nước điển hình, đã biết kết hợp những tinh hoa của Nho học với chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, Cụ Nguyễn Sinh Sắc và Phan Bội Châu là hai bạn đồng môn, cùng học với cụ cử Nguyễn Thức Tự, một nghĩa sĩ của khởi nghĩa Hương Sơn, người mà cụ Phan Sào Nam gọi là “Nhân sư nan tầm”( “Dạy người khó tìm”)(4). Phương

pháp dạy học của thầy Tự hết sức đặc biệt, đã ảnh hưởng sâu sắc đến học trò, trong đó có cụ Nguyễn Sinh Sắc. Đó là cách học đào sâu suy nghĩ để hành và hành theo sự độc lập suy nghĩ của mình, hành theo mục đích ứng xử vào đời sống, sao giúp ích được cho đời, hành xong thì đối chiếu lại với sách để tiếp tục sáng tạo lời của sách và bổ sung cho sách (5).

Nguyễn Sinh Sắc đã áp dụng cách dạy này cho học trò của mình, trong đó có hai con của cụ là Nguyễn Sinh Cung và Nguyễn Sinh Khiêm. Sau này Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh trong cuộc đời hoạt động của mình cũng thường mở lớp “trồng người” bằng phương pháp tương tự như thế: luôn phát huy sự suy nghĩ độc lập sáng tạo của người học. Bản thân Nguyễn Sinh Sắc là một tấm gương mẫu mực cho con cái về sự suy nghĩ độc lập sáng tạo, “trên cổ mình là cái đầu của mình, chứ không phải là đầu của người khác”. Là một nhà Nho, cụ không sa vào con đường “ngu trung”, mà phân biệt rõ quan hệ giữa “trung quân” và “ái quốc”; nếu nhà vua đã yếu hèn, phân biệt dân tộc, thì “trung quân” lúc ấy không còn ý nghĩa gì. Sau khi thi đậu Phó Bảng, cụ tìm cách từ chối làm quan ở triều đình mà về quê mở trường dạy học, dạy dỗ hai con của mình. Khi không thể từ chối được nữa, bắt buộc dĩ phải nhận chức trong Bộ Lễ hay khi bị cách chức đưa xuống làm tri huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, thì cụ vẫn luôn luôn giữ được sự suy nghĩ độc lập và hành xử theo suy nghĩ của mình (để rồi tiếp tục bị cách chức sau vài tháng): không bắt tội những người mắc nợ, buộc những người kiện tụng phải giải hoà, thả

những người bị tù oan,...(6). Cụ tán thành chủ trương Duy Tân, nhất là việc dạy chữ quốc ngữ và ở nhà cụ đã dạy chữ quốc ngữ cho con. Khi trở lại Huế cụ dứt khoát cho hai con đi con đường tân học, vào trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba để rồi chỉ qua một năm học cả hai con Tất Thành và Sinh Khiêm đều được tuyển vào Trường Quốc học Huế, một trường được coi là tốt nhất lúc đó. Bị cách chức cụ lặn lội đi vào Nam kỳ, từ tỉnh này sang tỉnh khác, có vài năm “làm cu li đồn điền cao su Lộc Ninh” (7) và cuối cùng cụ cũng thực hiện được chí hướng “trung y y dân”, giúp dân theo cách của mình để cho ba con được tự do đi theo con đường của từng người: Nguyễn Thị Thanh và Nguyễn Sinh Khiêm hoạt động Hội kín, còn Nguyễn Tất Thành thì bốn ba ra nước ngoài tìm đường cứu nước. (“*Cha có con đường của cha, con có con đường của con*” (8)).

Có hiểu vấn đề từ gốc rễ như vậy, ta mới không khỏi ngạc nhiên, vì sao ở vào tuổi 15, thiếu niên Nguyễn Tất Thành có thể có đủ lý lẽ và bản lĩnh để từ chối đề nghị Đông du của một bậc đại chí sĩ danh tiếng lúc bấy giờ như cụ Phan Sào Nam vì đã nhận ra được hạn chế trong chủ trương của cụ ngay lúc phong trào Đông du mới bắt đầu. Sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ, Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp, điều đó chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”(9).

Với Phan Chu Trinh, cụ Nguyễn Sinh Sắc và Nguyễn Tất Thành có nhiều điểm gần gũi. Cụ cũng nói rất nhiều với anh Thành về người bạn đồng khoa này. Anh Thành vào lúc 13 tuổi cũng có đọc qua bản dịch bằng chữ Hán cuốn

Dân ước ( Du Contrat Social) của J.J. Rousseau trong tù sách ở nhà và khi học ở Quốc học Huế anh Thành đã bí mật đọc cuốn này bằng tiếng Pháp ở nhà sách Trảng Tiền(10). Sau này Nguyễn Ái Quốc thuật lại: “*Lần đầu tiên tôi đã nghe những từ Pháp: Tự do, Bình Đẳng, Bác Ái. Đối với chúng tôi lúc bấy giờ người da trắng nào cũng đều là người Pháp cả. Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn dấu đằng sau những từ ấy*” (11). Không chỉ dừng lại ở lý luận, anh Thành còn tham gia làm phiên dịch cho cuộc đấu tranh chống thuế của đồng bào nông dân ở Huế và đã bị đuổi học khỏi Trường Quốc học vì lý do đó. Tán thành quan điểm Duy tân là như vậy, nhưng với bản lĩnh độc lập suy nghĩ, anh Thành nhận thấy có điều không ổn trong lý luận của cụ Phan Chu Trinh vì cụ muốn dựa vào Pháp để lật đổ Nam triều. Sau này Hồ Chủ tịch nhắc lại vấn đề này: “*Cụ Phan Chu Trinh chủ trương dựa vào Pháp để thực hiện cải cách, chẳng khác gì xin giặc rú lòng thương*”(12). Hơn nữa, lúc này anh Thành còn nhận ra được hạn chế của phong trào cứu nước theo phương pháp truyền thống. “*Cụ Hoàng Hoa Thám thì thực tế hơn vì cụ chủ trương đánh Pháp. Thế nhưng cụ còn nặng cốt cách phong kiến*”(13). Phê phán cốt cách phong kiến của cụ Phan cho thấy rằng Nguyễn Tất Thành đã hiểu và tin rằng con đường cứu nước ở nước ta lúc đó theo ngọn cờ phong kiến đã quá lỗi thời!

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành đi con đường riêng mà anh suy nghĩ: Tây du chứ không Đông Du. “*Tôi muốn ra nước ngoài xem*

*Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta.*”(14) Anh ra đi bằng cách “*làm bất cứ việc gì để sống và để đi*”(15). Chính bản lĩnh suy nghĩ độc lập sáng tạo đã dẫn Nguyễn Ái Quốc đến quyết định đúng đắn mở đầu một con đường cứu nước mới, đem đến thắng lợi cho Cách mạng Việt Nam sau này.

Rời Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước, từ năm 1911 đến 1920 Nguyễn Tất Thành- Nguyễn Ái Quốc đã bôn ba khắp nơi, làm nhiều nghề để sống, hòa mình vào giai cấp công nhân, nhân dân lao động đủ các màu da, dân tộc, vừa hoạt động thực tiễn vừa nghiên cứu lý luận. Đầu tiên anh Thành ghé và làm công ở cảng Marseille, Le Havre của Pháp, từ năm 1912 anh làm thủy thủ của hãng tàu “*Năm sao*” chạy vòng quanh châu Phi, năm 1913 anh sống và lao động nhiều tháng ở New York, Boston (Mỹ), từ 1914 đến 1917 anh sống ở Anh và từ 1917 đến 1923 tiếp tục sống ở Pháp,...

Ra đi với sự háo hức muốn biết những gì ẩn dấu đằng sau những từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái của đại cách mạng tư sản Pháp, nhưng sau những khảo nghiệm thực tế và nghiên cứu lý luận, Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra tính hai mặt của chủ nghĩa tư bản, thấy rõ sự khác nhau về bản chất của chủ nghĩa thực dân Pháp và nền văn minh Pháp, người lao động Pháp, điều mà cụ Phan Chu Trinh đến cuối đời cũng vẫn không thể nào hiểu được. Theo nhà sử học Pháp Charles Fourniau, khi tàu đến cảng Marseille nhìn thấy những cô gái điếm rêu tiền trên bến cảng, Nguyễn Tất Thành đã thấy được

cái mặt trái của nước Pháp. “*Ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta!*”(16), “*Tại sao người Pháp không “khai hóa” đồng bào của họ trước khi khai hóa chúng ta,...?*”(17). Từ kinh nghiệm đó dần dần anh Thành đã rút ra nhận thức chính trị hết sức quan trọng, phân biệt được bạn và thù: Giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước đều là bạn, chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù(18). Sống ở các nước tư bản, đọc nhiều sách về các cuộc cách mạng tư sản Pháp, cuộc Chiến tranh giành độc lập của Mỹ, Nguyễn Ái Quốc rất khâm phục tinh thần cách mạng của nhân dân Pháp và ý chí giành độc lập của nhân dân Mỹ, nhưng đồng thời anh cũng nhận ra những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản này. Trong tác phẩm Đường Cách mệnh ( 1927) sau này, Nguyễn Ái Quốc đã phân tích rõ: “*Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là tư bản cách mệnh, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực bên trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi mà nay công nông Pháp hãy còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi áp bức*”(19). Với cách nhìn độc lập, sâu sắc như vậy, dù đã tiếp thu nhiều nhân tố tích cực của hệ tư tưởng tư sản, nhưng Nguyễn Ái Quốc không dừng lại ở hệ tư tưởng này.

Có ý kiến cho rằng mãi đến Bản Yêu sách 8 điểm ở Hội nghị Versailles đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc mới thực sự tan vỡ ảo tưởng về việc chủ nghĩa đế quốc có thể trao quyền độc lập, tự do cho các thuộc địa ( 20) Thật ra, đến năm 1919 Nguyễn Ái Quốc đã có một sự chín muồi về chính trị, đã đủ sức nhận ra bản

chất của chủ nghĩa đế quốc và sự lừa bịp của chủ nghĩa Wilson. Thế nhưng việc đưa ra Bản Yêu sách 8 điểm chỉ là vấn đề phương pháp đấu tranh, đó chính là một đòn tiến công trực diện vào chủ nghĩa đế quốc, gây tiếng vang lớn trong nhân dân và trên thực tế Nguyễn Ái Quốc đã rất thành công trên phương diện này. Có thể nói rằng, nhờ bản lĩnh suy nghĩ độc lập, sáng tạo, không bị một “áo tưởng” nào che mờ nhận thức khoa học nên Nguyễn Ái Quốc từ sau Cách mạng Tháng mười Nga đã chịu ảnh hưởng ngày càng sâu sắc của cuộc cách mạng này. Đỉnh cao của quá trình này chính là quyết định đứng về phía Quốc tế thứ III của Lênin ở Đại hội Tours của Đảng Xã hội Pháp( 12/ 1920) và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là một bước ngoặt trong cuộc đời của Hồ Chủ tịch, từ một người yêu nước, trải qua trường học dân chủ tư sản và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác Lênin, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Trách nhiệm lịch sử của Nguyễn Ái Quốc là sau khi đến với chủ nghĩa Mác Lênin là phải đem học thuyết ấy về nước sao cho sáng tạo nhất, phù hợp nhất với những điều kiện lịch sử của Việt nam. Ở đây nếu phạm phải chủ nghĩa giáo điều, mắc bệnh “tả” khuynh hay hữu khuynh đều dẫn đến những hậu quả tai hại làm mất đi tính chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác Lênin và dẫn đến những thất bại to lớn củ phong trào cách mạng. Ở đây một lần nữa đòi hỏi cao bản lĩnh suy nghĩ độc lập và sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, bản

lĩnh vận dụng biện chứng nhất học thuyết Mác Lênin, vận dụng sáng tạo đến mức trên cơ sở chủ nghĩa Mác Lênin hình thành những cơ sở đầu tiên của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngay từ đầu với bản lĩnh suy nghĩ độc độc sáng tạo, Nguyễn Ái Quốc đã có một sự hiểu biết hết sức sâu sắc về chủ nghĩa Mác Lênin, thấy được nguồn gốc, ý nghĩa lịch sử cùng những giới hạn lịch sử của nó. Báo cáo về Bắc kỳ, Trung Kỳ và Nam kỳ ở Matxcova năm 1924 còn được lưu lại cho thấy ngay từ những năm đầu tiên sau khi đến với chủ nghĩa Mác Lênin cho thấy điều ấy.

*“Dù sao thì cũng không cảm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được.*

*Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại....*

*Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông.....*

*Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của dân tộc”(21)*

Từ năm 1920 đến 1930 là quá trình Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính Đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân và dân tộc (1930). Đỉnh cao về lý luận của giai đoạn này chính là tác phẩm Đường Cách mệnh (12/1927) và sau đó là Chính

cương, Sách lược vắn tắt, trong đó Nguyễn Ái Quốc đã cho thấy sự vận dụng cực kỳ sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin để xác định những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam: Hai giai đoạn cách mạng, kết hợp giải quyết mâu thuẫn dân tộc và giai cấp một cách hợp lý, động lực cách mạng và lực lượng cách mạng, giai cấp lãnh đạo, đoàn kết quốc tế,...

Thực tế lịch sử sau này cho thấy rằng một trong những nguyên nhân khiến Đảng ta có sự nhất quán, vững vàng về đường lối trong suốt quá trình cách mạng chính là nhờ ngay từ đầu Nguyễn Ái Quốc đã xác định được những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam một cách hết sức chính xác, phù hợp với quy luật khách quan của lịch sử. Nội dung Luận cương tháng 10/1930 do Trần Phú khởi thảo có những hạn chế khi nhấn mạnh quá mức đến “thổ địa cách mạng” và hẹp hòi trong xác định lực lượng cách mạng là vì đã không tuân thủ hoàn toàn theo Chính cương, Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc dự thảo và thông qua trong Hội nghị hợp nhất (2/1930) ( mà nay Đảng ta coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên). Những ảnh hưởng “tả” khuynh của đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản (1928) đã tác động trực tiếp vào những hạn chế này.

Xuất phát từ điều kiện cụ thể của nước ta, giai cấp công nhân chỉ chiếm 1% dân số, đang là nước thuộc địa nửa phong kiến, trong đó mâu thuẫn dân tộc là chủ yếu,...Nguyễn Ái Quốc không bắt đầu xây dựng tổ chức tiền thân của Đảng từ một tổ chức công đoàn mà từ một tổ chức thanh niên yêu nước có khuynh hướng cộng sản, trong đó đông đảo là thanh niên trí

thức tiểu tư sản. Quy luật ra đời Đảng ta không chỉ có hai yếu tố là chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân, mà còn có vai trò to lớn của phong trào yêu nước. Điều này đã bị QTCS và cả những đồng chí trong Đảng ta cũng phê bình Nguyễn Ái Quốc. Thư của Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng CSDD, ngày 31-3-1935, gửi QTCS đã phê bình trực diện Nguyễn Ái Quốc và tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội do Người thành lập: “Ở Đông Dương những tổ chức cộng sản đã tiến hành một cuộc đấu tranh công khai chống những tàn dư của hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa cách mạng pha lẫn chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa duy tâm của Thanh niên cách mạng đồng chí hội và của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Những tàn dư ấy rất mạnh và một trở ngại rất nghiêm trọng cho sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản. Cuộc đấu tranh không thương tiếc này chống những lý luận cũ, cơ hội chủ nghĩa của Quốc và của Đảng Thanh niên là cần thiết...Chúng tôi đề nghị đồng chí Lin viết một cuốn sách mỏng phê phán chính mình và những khuyết điểm đã qua”(22). Ngay cả việc đặt tên Đảng ta là Đảng Cộng Sản Việt Nam trong Hội nghị thành lập Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ tọa (2/1930) cũng bị chỉ thị của Quốc tế Cộng sản phê phán là có “tư tưởng hẹp hòi, cô độc”(23), “không nắm được đặc điểm chung của tình hình Đông Dương là giống nhau”(24).

Bản lĩnh suy nghĩ độc lập sáng tạo không chỉ thể hiện trong giai đoạn lịch sử đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc, mà còn xuyên suốt trong toàn bộ cuộc đời hoạt động sôi nổi, phong phú và thắng lợi của Chủ tịch

Hồ Chí Minh. Chắc chắn sẽ không sai nếu nói rằng không có bản lĩnh này thì đã không có “tư tưởng Hồ Chí Minh” xuất hiện và không có những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt

Nam gần một thế kỷ qua. Đây là một trong những tính cách, bản lĩnh quan trọng bậc nhất mà chúng ta phải tiếp tục học tập và làm theo Bác Hồ./.

## THE STRONG-WILLED SPIRIT TO INDEPENDENT THOUGHTS AND CREATIVE THINKING IN NGUYEN AI QUOC’S PROCESS OF NATIONAL SALVATION

Vo Van Sen

Unisersity of Social Science of Humanities, VNU-HCM

**ABSTRACT:** *The paper focuses on analyzing one of the most important firm spirits in President Ho Chi Minh’s character which is the ability to think independently and creatively. That firm nature of his is specifically expressed in his national salvation path of the early twentieth century.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Còbêlêp, *Đồng chí Hồ Chí Minh*, NXB Thanh Niên,HN- NXB Tiến Bộ, Mátxcova, (1985), tr.20.
- [2]. Sơn Tùng , *Búp Sen Xanh*, NXB Văn Nghệ, TP.HCM, (2001),tr. 63,64, 65.
- [3]. Vũ Đình Hoè, *Pháp Quyền Nhân Nghĩa Hồ chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, (2005), tr. 74-75.
- [4]. Vũ Đình Hoè, Sdd, tr.67.
- [5]. Vũ Đình Hoè, Sdd, tr.68.
- [6]. Còbêlêp, Sdd, tr.20.
- [7]. *Điện mật của Chánh mật thám Trung kỳ gọi Công sứ Phan Thiết ngày 10-11-1923*, Theo Sơn Tùng, Bông Sen Vàng. NXB Văn hoá Thông tin, HN, (2010), tr. 14.
- [8]. Xem Vũ Đình Hoè, Sdd, tr.95.
- [9]. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB ST, HN, (1986), tr. 13.
- [10]. Vũ Đình Hoè, Sdd, tr.140.
- [11]. Ôxíp Mandensotam, *Thăm một chiến sĩ Quốc tế Cộng sản. Báo Đóm lửa*, Liên Xô, ngày 23-12- 1923, Bài dịch trên tạp chí Học Tập, HN, tháng 6-1970.
- [12]. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB ST, HN, (1986), tr. 13.
- [13]. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB ST, HN, (1986), tr. 13.
- [14]. Trần Dân Tiên, ...tr. 10-11, 14.
- [15]. Trần Dân Tiên, ...tr. 10-11, 14.

- [16]. Đỗ Quang Hưng, *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*. NXB Lao Động, HN, (1999), tr.137; Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 16.
- [17]. Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 16.
- [18]. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Hồ Chí Minh-Tiểu sử và sự nghiệp*, NXB. CTQG, HN, (2001), tr.21.
- [19]. Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, T.1, NXB.ST,HN, (1980), tr. 246.
- [20]. Lê Văn Quang, *Về con đường của Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lênin*, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG TP.HCM, *Mãi mãi theo Người Hồ Chí Minh*, NXB ĐHQG TP.HCM, (2000), tr. 21-22.
- [21]. Hồ Chí Minh, *Toàn Tập*, T.1, NXB CTQG, HN, (2002), tr.465-466.
- [22]. *Thư của Ban lãnh đạo hải ngoại của ĐCSĐD gửi QTCS*, 31-3-1935, Lưu trữ QTCS, ký hiệu 495-154-683. Đỗ Quang Hưng, *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, NXB Lao Động, HN, (1999), tr.34
- [23]. Đỗ Quang Hưng, *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, NXB Lao Động, HN,(1999), tr.35.
- [24]. Đỗ Quang Hưng, *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, NXB Lao Động, HN,(1999).